

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Nguyễn Thị Ngọc Văn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 21/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B, địa chỉ: Tòa nhà H, 412 N, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H - Giám đốc trung tâm Quản lý & Thu hồi nợ.

Người được ông Nguyễn Phúc H ủy quyền lại: Ông Vũ Mạnh S, sinh năm 1984, địa chỉ: Số 20 T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Giấy ủy quyền số: 457/2022/UQ-VCCB ngày 30/9/2022)- Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Than T, địa chỉ: Khu 1 H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Công ty (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966;

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966;

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989;

- Chị Đinh Thị H, sinh năm 1991;

Đều trú tại: Khu 1 H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Bà L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông H; chị H ủy quyền tham gia tố tụng cho anh T. Ông H và anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B do người đại diện theo ủy quyền và người nhận ủy quyền lại trình bày như sau:***

Ngày 10/8/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần B (từ đây viết tắt là Ngân hàng B) và Công ty TNHH một thành viên Than T (từ đây viết tắt là Công ty T) ký Hợp đồng hạn mức khách hàng tổ chức số 0089/04517/06.TDHM-PN với nội dung như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- Phương thức vay: Hạn mức;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 10/8/2018.
- Tài sản bảo đảm:

+ TSBĐ 01: 01 bất động sản tại thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 416836, sổ vào sổ cấp GCN: CH 02980 do UBND thị xã Đ cấp ngày 09/8/2016, chủ sở hữu là ông Phạm Duy N. Giá trị tài sản bảo đảm: 536.000.000 đồng;

+ TSBĐ 02: 01 bất động sản tại thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND huyện Đ cấp ngày 23/4/2014, chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị L. Giá trị tài sản bảo đảm: 4.530.000.000 đồng;

+ TSBĐ 03: 01 bất động sản tại phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 073731 vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 01967 do UBND huyện K cấp ngày 18/7/2016, chủ sở hữu là anh Nguyễn Minh T và chị Đinh Thị H. Giá trị tài sản bảo đảm: 1.521.000.000 đồng;

+ TSBĐ 04: Tài sản bổ sung.

- Lãi phạt chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm hoặc do ngân hàng quy định nhưng không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

- Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc một mức khác do Ngân hàng xác định nhưng không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng đã ký kết, ngày 07/11/2017, Ngân hàng B và Công ty T ký các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số BB/0089/04517/06.TDHM-PN và BB.1/0089/04517/06.TDHM-PN về việc bổ sung tài sản bảo đảm là 01 dây chuyền tuyển rửa than đồng bộ và 01 Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG.

Ngày 15/01/2018, Ngân hàng Bản V đã giải ngân cho Công ty T theo giấy nhận nợ số 005/0089/04517/06.TDHM-PN như sau:

- + Tổng số tiền nhận nợ: 2.400.000.000 đồng;
- + Hình thức nhận nợ: Chuyển khoản;
- + Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất: Cố định 9,5%/năm theo Quyết định số 187/QĐ-PTKD ngày 17/8/2017;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 15/01/2018 đến ngày 15/6/2018;
- + Phương thức trả nợ:
Trả lãi vay: Vào ngày 25 định kỳ 01 tháng/lần;
Trả nợ gốc: Vào cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ.

Ngày 16/01/2018, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T theo giấy nhận nợ số 006/0089/04517/06.TDHM-PN như sau:

- + Tổng số tiền nhận nợ: 2.470.000.000 đồng;
- + Hình thức nhận nợ: Chuyển khoản;
- + Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất: Cố định 9,5%/năm theo Quyết định số 187/QĐ-PTKD ngày 17/8/2017;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/6/2018;
- + Phương thức trả nợ:
Trả lãi vay: Vào ngày 25 định kỳ 01 tháng/lần;
Trả nợ gốc: Vào cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ.

Ngày 16/4/2018, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T theo giấy nhận nợ số 007/0089/04517/06.TDHM-PN như sau:

- + Tổng số tiền nhận nợ: 2.283.000.000 đồng;
- + Hình thức nhận nợ: Chuyển khoản;
- + Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất: Cố định 9,5%/năm theo Quyết định số 187/QĐ-PTKD ngày 17/8/2017;
- + Thời hạn vay: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 16/9/2018;

+ Phương thức trả nợ:

Trả lãi vay: Vào ngày 25 định kỳ 01 tháng/lần;

Trả nợ gốc: Vào cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ.

Tổng số tiền mà Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T vay là 7.153.500.000 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay trên, Công ty T, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Minh T, chị Đinh Thị H đã ký với Ngân hàng B các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 0089.2/04517/01B.HĐTCQSDĐ ngày 09/8/2017: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; diện tích 400m²; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3 (04 tầng). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 149296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 03188 do UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/4/2014 chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị L.

- Hợp đồng thế chấp số 0089.3/04517/01B.HĐTCQSDĐ ngày 09/8/2017: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 538, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Phường M - K - Hải Dương; diện tích 179m²; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 073731 số vào sổ cấp GCNQSD đất CH 01967 do UBND huyện K, tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/7/2016 chủ sở hữu là anh Nguyễn Minh T và chị Đinh Thị H.

- Hợp đồng thế chấp số 0089.3/04517/02A.HĐTCĐS ngày 07/11/2017: Thế chấp tài sản là dây chuyền rửa than đồng bộ gồm: Dây chuyền tuyển rửa tách xít ra khỏi than, máy nghiền than, máy sàng dung 3 cửa, băng tải xuống hàng; Nguồn gốc: sản xuất chế tạo tại Việt Nam theo Hợp đồng chế tạo gia công cơ khí số 026/HĐGC/BD-QT ngày 12/6/2017 giữa Công ty TNHH dịch vụ kinh doanh tổng hợp Q và Công ty T, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000034 ngày 26/8/2017.

- Hợp đồng thế chấp số 0089.5/04517/02A.HĐTCĐS ngày 07/11/2017: Tài sản thế chấp gồm: 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG màu vàng, sản xuất tại Trung Quốc năm 2016, biển số 34LA-0372 đứng tên Công ty T theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 00946/XMCD do sở giao thông vận tải Hải Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 09/12/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm các nội dung cam kết thỏa thuận giữa hai bên đã ký, chưa thực hiện việc thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng B. Ngân hàng B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nhưng công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 30/9/2022, Công ty T còn nợ Ngân hàng B tổng số tiền là:

- Tổng số nợ gốc: 7.153.500.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 154.898.337 đồng;
- Lãi phạt chậm vốn: 4.286.838.041 đồng;
- Lãi phạt chậm trả lãi: 65.817.942 đồng;

Tổng số tiền phải trả là: 11. 661.054.320 đồng.

Nay, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán toàn bộ số nợ trên. Buộc Công ty T phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng tổ chức đã ký, các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ trên thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm mà Công ty T, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Minh T và chị Đinh Thị H đã ký với Ngân hàng B.

*** Bị đơn - Công ty TNHH một thành viên Than T (viết tắt là Công ty T) do người đại diện là ông Nguyễn Văn H - Là Giám đốc Công ty đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày như sau:**

Do cần vốn để kinh doanh nên giữa Công ty T và Ngân hàng B có ký kết Hợp đồng hạn mức khách hàng tổ chức số 0089/04517/06.TDHM-PN, các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số BB/0089/04517/06.TDHM-PN và BB.1/0089/04517/06.TDHM-PN, các Giấy nhận nợ như Ngân hàng B đã trình bày nêu trên. Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty T đã ký các Hợp đồng thế chấp trong đó có 02 hợp đồng thế chấp bất động sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và 02 hợp đồng thế chấp động sản là Hợp đồng thế chấp 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG biển số 34LA-0372 đứng tên Công ty T theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và Hợp đồng thế chấp dây chuyền rửa than đồng bộ. Đối với 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 02 hợp đồng thế chấp tài sản thì quyền sử dụng đất và các tài sản vẫn được giữ nguyên, không có xây dựng thêm công trình nào khác trên 2 thửa đất này cũng như không sửa chữa các tài sản gắn liền với 2 thửa đất. Đối với tài sản thế chấp là máy xúc thì hiện nay tài sản này đang làm công trình ở Vĩnh Phúc, ông chưa chuyên về được. Đối với tài sản là một dây chuyền rửa than đồng bộ thì hiện tài sản này vẫn đang ở ngoài bãi nhưng đã bị thất lạc một số bộ phận, chưa xác định được. Do thời gian gần đây hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, không có đủ khả năng để trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi, lãi phạt theo Hợp đồng giữa Công ty T và Ngân hàng B được. Ông đề nghị Ngân hàng B tạo điều kiện cho Công ty ông được miễn toàn bộ tiền nợ lãi phát sinh cũng như nợ lãi phạt, tạo điều kiện cho Công ty thanh toán trả nợ gốc là 7.153.500.000 đồng trong vòng 1 năm. Ông cam kết trong thời hạn 1 năm sẽ kết hợp cùng với Ngân hàng B bán các tài sản thế chấp trong 04 hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thanh toán toàn bộ số nợ gốc 7.153.500.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị L trình bày:** Bà xác định các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông H (chồng bà) và Ngân hàng B với số tiền 7.153.500.000 đồng cũng như 04 hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng với những người liên quan là đúng sự thật. Bà cùng ông H đã ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng đối với quyền sử dụng đất là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01; địa chỉ ở B, B, Đ, Quảng Ninh, diện tích là 400m². Quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng là bà và ông H. Do thời gian gần đây hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn nên không có đủ điều kiện để trả được toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty T có thời gian để trả nợ và được miễn toàn bộ tiền lãi. Trong trường hợp Công ty không có khả năng thanh toán được nợ với Ngân hàng thì bà đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản mà bà và ông H đã thế chấp với Ngân hàng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Minh T trình bày:** Anh xác định các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Công ty T và Ngân hàng B đã ký là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty, anh cùng với chị Đinh Thị H có ký hợp đồng thế chấp tài sản đối với thửa đất số 538, tờ bản đồ số 2 tại M - K - Hải Dương, diện tích là 179m². Hiện nay anh và chị H đã ly hôn, anh đề nghị Công ty T thanh toán nợ cho Ngân hàng B. Trường hợp Công ty T không thanh toán được nợ thì anh đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản của anh và chị H để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Đinh Thị H trình bày:** Trước đây chị và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng nhưng anh chị đã ly hôn vào năm 2020. Tuy nhiên, khi ly hôn tài sản chung là thửa đất số 538, tờ bản đồ số 2 tại M, K, Hải Dương, diện tích là 179m² đất chưa phân chia mà vẫn là tài sản chung của chị và anh T. Hiện nay toàn bộ tài sản này đang được thế chấp cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng B. Hiện tại do sức khỏe không tốt nên chị ủy quyền cho anh T thay mặt chị quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của chị tại thửa đất nêu trên bao gồm cả bán tài sản để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp, cụ thể nay Ngân hàng B không yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm nếu trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đối với các tài sản là: 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG màu vàng, sản xuất tại Trung Quốc năm 2016, biển số 34LA-0372 đứng tên Công ty T theo Hợp đồng thế chấp số 0089.5/04517/02A.HĐTCĐS đã ký ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng B và Công ty T và 01 dây chuyền rửa than đồng bộ gồm: Dây chuyền tuyển rửa tách xít ra khỏi than, máy nghiền than, máy sàng dung 3 cửa, băng tải xuống hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0089.3/04517/02A.HĐTCĐS đã ký ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng B và Công ty T. Nguyên đơn giữ nguyên các nội dung khởi kiện khác như đã trình bày nêu trên.

- Đại diện bị đơn Công ty T, ông Nguyễn Văn H xác định Công ty T còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu nay xác định phải có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên do điều kiện Công ty đang khó khăn nên bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn toàn bộ số lãi phải trả. Trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Minh T giữ nguyên quan điểm đã trình bày, nhất trí với ý kiến của bị đơn, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để bị đơn trả nợ. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 3 Điều 4; Điều 300; 301 Luật thương mại, Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323; Điều 463, 464, 465, 466, 467 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số 08/2016/A-HĐTP-TANDTC thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bà Phạm Thị L và chị Đinh Thị H nhưng đã ủy quyền cho đương sự có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B về việc yêu cầu Công ty T trả nợ, thấy rằng:

Ngày 10/8/2017, Ngân hàng B và Công ty T ký Hợp đồng hạn mức khách hàng tổ chức số 089/04517/06.TDHM-PN với các nội dung:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 10/8/2018.
- Tài sản bảo đảm gồm: 03 bất động sản và tài sản bổ sung.

- Lãi phạt chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm hoặc do ngân hàng quy định nhưng không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

- Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn hoặc một mức khác do Ngân hàng xác định nhưng không vượt quá lãi suất tối đa theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng đã ký kết, ngày 07/11/2017, Ngân hàng B và Công ty T ký các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung về việc bổ sung tài sản bảo đảm là 01 dây chuyền tuyển rửa than đồng bộ và 01 Máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG.

Ngày 15/01/2018, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T số tiền nhận nợ: 2.400.000.000 đồng; lãi suất: Cố định 9,5%/năm; thời hạn vay: Từ ngày 15/01/2018 đến ngày 15/6/2018;

Ngày 16/01/2018, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T số tiền nhận nợ: 2.470.000.000 đồng; lãi suất: Cố định 9,5%/năm; thời hạn vay: Từ ngày 16/01/2018 đến ngày 16/6/2018.

Ngày 16/4/2018, Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T số tiền nhận nợ: 2.283.000.000 đồng; lãi suất: Cố định 9,5%/năm theo; thời hạn vay: Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 16/9/2018.

Tổng số tiền mà Ngân hàng B đã giải ngân cho Công ty T là 7.153.500.000 đồng.

[3] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay trên, Công ty T, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Minh T, chị Đinh Thị H đã ký với Ngân hàng B các hợp đồng thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3 (04 tầng); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 538, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; 01 dây chuyền rửa than đồng bộ và 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG.

[4] Xét các hợp đồng tín dụng; các hợp đồng thế chấp tài sản; các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm được ký kết giữa Ngân hàng B, Công ty T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó xác định đây là các hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm các nội dung cam kết thỏa thuận đã ký, chưa thực hiện việc thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng B. Ngân hàng B đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nhưng công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[6] Tính đến ngày 30/9/2022, Công ty T còn nợ Ngân hàng B tổng số tiền là:

- Tổng số nợ gốc: 7.153.500.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 154.898.337 đồng;
 - Lãi phạt chậm vốn: 4.286.838.041 đồng;
 - Lãi phạt chậm trả lãi: 65.817.942 đồng;
- Tổng số tiền phải trả là: 11. 661.054.320 đồng.

[7] Nay, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán toàn bộ số nợ trên. Buộc Công ty T phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng tổ chức đã ký, các thỏa thuận sử đổi, bổ sung cho đến khi trả hết nợ.

[8] Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ trên thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm mà Công ty T, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Minh T và bà Đinh Thị H đã ký với Ngân hàng B.

[9] Bị đơn Công ty T đã thừa nhận các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu, chỉ đề nghị nguyên đơn cho bị đơn các khoản nợ lãi phải trả. Tuy nhiên nguyên đơn không chấp nhận. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với pháp luật về quy định mức lãi suất cho vay, lãi phạt mà Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng quy định. Do đó cần chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc là 7.153.500.000 đồng và các khoản lãi tính đến ngày xét xử gồm: Lãi trong hạn là 154.898.337 đồng; lãi phạt chậm vốn là 4.286.838.041 đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 65.817.942 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi Công ty T phải trả là: 11. 661.054.320 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 01/10/2022), Công ty T còn phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

[10] Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định nhất trí với yêu cầu khởi kiện nếu trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 538, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của các đương sự khác là có căn cứ, phù hợp với pháp luật do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm.

[11] Xét việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm là 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG màu vàng, sản xuất tại Trung Quốc năm 2016, biển số 34LA-0372 và 01 dây chuyền rửa than đồng bộ là tự nguyện, phù hợp với pháp luật do vậy cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[12] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 323, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc Công ty TNHH một thành viên Than T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2022 là 11. 661.054.320 đồng, trong đó:

- Tổng số nợ gốc: 7.153.500.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 154.898.337 đồng;
- Lãi phạt chậm vốn: 4.286.838.041 đồng;
- Lãi phạt chậm trả lãi: 65.817.942 đồng;

Công ty TNHH một thành viên Than T phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên Than T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ dư nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm mà Công ty TNHH một thành viên Than T, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Minh T và chị Đinh Thị H đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần B gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; diện tích 400m²; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3 (04 tầng). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 149296 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 03188 do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 23/4/2014 chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị L.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 538, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: Phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; diện tích 179m²; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 073731 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 01967 do UBND huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hải Dương cấp ngày 18/7/2016 chủ sở hữu là anh Nguyễn Minh T và chị Đinh Thị H.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm thừa thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B phải trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Than T. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, thì Công ty TNHH một thành viên Than T phải có nghĩa vụ trả hết nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản bảo đảm là: 01 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu XCMG màu vàng, sản xuất tại Trung Quốc năm 2016, biển số 34LA-0372 đứng tên Công ty TNHH một thành viên Than T theo Hợp đồng thế chấp số 0089.5/04517/02A.HĐTCĐS đã ký ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Công ty TNHH một thành viên Than T và 01 dây chuyền rửa than đồng bộ gồm: Dây chuyền tuyển rửa tách xít ra khỏi than, máy nghiền than, máy sàng dung 3 cửa, băng tải xuống hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0089.3/04517/02A.HĐTCĐS đã ký ngày 07/11/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B và Công ty TNHH một thành viên Than T. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án tranh chấp hợp đồng thế chấp đối với yêu cầu mà nguyên đơn đã rút này theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần B 102.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001320 ngày 19-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Công ty TNHH một thành viên Than T phải nộp 119.661.054 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Báo đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quyết